

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST  
Ngày 10– 12 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Cao Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Văn Ôn.  
2. Ông Bùi Văn Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Minh Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Ông Khuất Duy Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/ 11 và 10/12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST - DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-DS ngày 13/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-DS, ngày 28/10/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị D<sub>1</sub>**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm L 3, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm L 3, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa ngày 12/11/2020, vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/12/2020.

2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị D<sub>2</sub>**, sinh năm 1952

Chị **Bùi Thị D<sub>3</sub>**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Phố R, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Xóm N 2, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ họ hàng với nhau nên bà Bùi Thị D<sub>1</sub> có cho bà Bùi Thị D<sub>2</sub>,

chị Bùi Thị D<sub>3</sub> (con gái bà D<sub>2</sub>) vay ba lần tiền: lần thứ nhất vào ngày 21/11/2019 cho vay 13.500.000 (*Mười ba triệu, năm trăm nghìn*) đồng, hạn trả ngày 30/12/2019 do chị D<sub>3</sub> nhận tiền thay bà D<sub>2</sub>; lần thứ hai vào ngày 24/11/2019 cho vay 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng, hạn trả 30/11/2019 do bà D<sub>2</sub> nhận tiền; lần thứ ba vào ngày 25/11/2019 cho vay 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng và 05 chỉ vàng tương ứng giá trị 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng, cộng 13.500.000 đồng vay trước đó thành giấy vay 135.000.000 đồng, hạn trả 30/12/2019 do cả bà D<sub>2</sub>, chị D<sub>3</sub> trực tiếp nhận tiền. Tổng số tiền bà Bùi Thị D<sub>1</sub> cho bà Bùi Thị D<sub>2</sub>, chị Bùi Thị D<sub>3</sub> vay là 235.000.000 (*Hai trăm ba mươi lăm triệu*) đồng. Các thỏa thuận vay tiền nêu trên đều được lập thành văn bản. Đến hạn trả nợ nhưng bà D<sub>2</sub>, chị D<sub>3</sub> không trả theo thỏa thuận. Bà D<sub>1</sub> đã nhiều lần đòi nợ nhưng các bị đơn vẫn cố tình không trả mà còn có lời lẽ xúc phạm, thách thức. Do vậy, bà Bùi Thị D<sub>1</sub> khởi kiện với yêu cầu buộc bà Bùi Thị D<sub>2</sub>, chị Bùi Thị D<sub>3</sub> thanh toán trả khoản tiền nợ tổng cộng là 235.000.000 (*Hai trăm ba mươi lăm triệu*) đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn là bà Bùi Thị D<sub>2</sub> trình bày: Bà không được trực tiếp vay tiền từ bà Bùi Thị D<sub>1</sub> mà là con gái bà là Bùi Thị D<sub>3</sub> vay. Chị D<sub>3</sub> trước đó có vay bà D<sub>1</sub> 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng. Do chị D<sub>3</sub> tạm ở với bà để đi dạy học nên bà D<sub>1</sub> đến nhà bà đòi nợ và ép nhiều quá nên ngày 24/11/2019 bà mới viết giấy nhận nợ với bà D<sub>1</sub> thay cho chị D<sub>3</sub> số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng chứ bà không được vay và bà không chấp nhận trả khoản nợ này thay chị D<sub>3</sub>.

Chị Bùi Thị D<sub>3</sub> đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của chị Bùi Thị D<sub>3</sub> thể hiện chị Bùi Thị D<sub>3</sub> có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một địa chỉ ổn định. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Bùi Thị D<sub>3</sub> không hợp tác tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy được ý kiến của chị D<sub>3</sub>. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết.

Các tài liệu phía nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy vay tiền ngày 09/9/2018 dạng viết tay, bản gốc đối với khoản vay 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 21/11/2019 dạng giấy viết tay, bản gốc đối với khoản vay 13.500.000 đồng; hai giấy vay tiền ngày 25/11/2019 trong đó một giấy ghi khoản vay 100.000.000 đồng, một giấy ghi khoản vay tổng cộng là 135.000.000 đồng, dạng giấy đánh máy + viết tay, bản gốc; Bút tích vay tiền ngày 24/11/2019 dạng giấy viết tay, bản gốc. Bút tích vay tiền ngày 24/11/2019 do bà Bùi Thị D<sub>2</sub> ký nhận. Các giấy vay còn lại do Bùi Thị D<sub>3</sub> nhận nợ. Các giấy do Bùi Thị D<sub>3</sub> nhận nợ có cùng dạng chữ viết nhưng hai dạng chữ ký khác nhau; giấy vay ngày 09/9/2018 và giấy biên nhận vay tiền ngày 25/11/2019 (khoản vay 100.000.000đ) có dạng chữ ký, các giấy vay tiền ngày 21/11/2019 và giấy biên nhận vay tiền ngày 25/11/2019 (khoản vay 135.000.000đ) ký dạng viết chữ "Duyên". Các giấy nhận nợ ngày 25/11/2019 còn có vân tay trong hai ô "chồng", "vợ". Tòa án đã tiến hành thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của Bùi Thị D<sub>3</sub> tại Trường mầm non xã Ân

Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, nơi chị Bùi Thị D<sub>3</sub> công tác; thu thập bản khai, chỉ bản chứng minh nhân dân của chị Bùi Thị D<sub>3</sub>, anh Nguyễn Hữu H (chồng chị Bùi Thị D<sub>3</sub>) tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06) - Công an tỉnh Hòa Bình; đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay tại các giấy vay tiền do Bùi Thị D<sub>3</sub> ký nhận. Tại Bản kết luận giám định số 239/KLGD-CAT-PC09, ngày 22/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình đã kết luận: Chữ ký đứng tên Bùi Thị D<sub>3</sub> dưới mục Người vay tiền trên giấy vay tiền ngày 09/9/2018 và dưới mục vay tiền ngày 25/11/2019 (khoản vay 100.000.000đ) với mẫu chữ ký của Bùi Thị D<sub>3</sub> là của một người ký ra. Chữ viết trên giấy vay tiền ngày 09/9/2018, giấy biên nhận vay tiền ngày 25/11/2019 và chữ ký "Duyên" dưới mục Người viết đơn trên Giấy vay tiền ngày 21/11/2019 và dưới mục Bên B trên Giấy Biên nhận vay tiền ngày 25/11/2019 (khoản vay 135.000.000đ) với mẫu chữ viết của Bùi Thị D<sub>3</sub> do cùng một người viết ra. Dấu vân tay trong ô "vợ" trên hai giấy Biên nhận vay tiền ngày 25/11/2019 là của Bùi Thị D<sub>3</sub>. Dấu vân tay trong ô "chồng" trên hai giấy Biên nhận vay tiền ngày 25/11/2019 không phải của Nguyễn Hữu H mà là của Bùi Thị D<sub>3</sub>.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ rõ ràng nhưng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; không hợp tác tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án: thấy rằng: các giấy vay tiền đều do chị Bùi Thị D<sub>3</sub> viết và ký nhận vay, không liên quan đến anh Nguyễn Hữu H. Việc bà Bùi Thị D<sub>2</sub> có bút tích vay tiền là do bà D<sub>1</sub> đòi nợ nhiều lần nên bà D<sub>2</sub> với tư cách là mẹ đẻ chị D<sub>3</sub> viết để bà D<sub>1</sub> yên tâm, chứ bà D<sub>2</sub> không trực tiếp vay, không bảo lãnh việc vay nên bà D<sub>2</sub> không phải có nghĩa vụ thanh toán trả các khoản nợ nêu trên. Do vậy, cần buộc một mình chị Bùi Thị D<sub>3</sub> có nghĩa vụ thanh toán trả các khoản nợ nêu trên cho bà Bùi Thị D<sub>1</sub> là có căn cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì các đương sự đều là cá nhân và cho vay với mục đích dân sự thông thường, không kinh doanh. Nguyên đơn, các bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn không tham gia hòa giải mà không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Theo các tài liệu có trong hồ sơ phản ánh Bùi Thị D<sub>3</sub> có vay tiền bà Bùi Thị D<sub>1</sub> các lần vào ngày 09/9/2018 với số tiền 100.000.000 đồng; ngày 21/11/2019 với số tiền 13.500.000 đồng; ngày; ngày 25/11/2019 với số tiền 100.000.000 và 05 chỉ vàng (tính tương đương 20.000.000 đồng). Các lần vay đều lập giấy tờ do Bùi Thị D<sub>3</sub> ký nhận. Tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận ngày 25/11/2019 có 02 giấy biên nhận vay tiền thì Giấy biên nhận khoản 100.000.000 đồng là giấy xác nhận lại khoản nợ vay ngày 09/9/2018, còn Giấy biên nhận vay tiền với số tiền 135.000.000 đồng là khoản vay mới 100.000.000 đồng + 05 chỉ vàng (tương đương 20.000.000 đồng) và 13.500.000 đồng vay trước đó thành 135.000.000 đồng. Đối với bà Bùi Thị D<sub>2</sub> khai không được vay tiền và bút tích nhận nợ ngày 24/11/2019 là do bà viết vì bà bị nguyên đơn thúc ép trả nợ. Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận bà Bùi Thị D<sub>2</sub> không trực tiếp vay tiền. Đối với các giấy vay ngày 25/11/2019 còn có cả dấu vân tay của anh Nguyễn Hữu H là chồng chị D<sub>3</sub>. Tuy nhiên qua kết quả giám định chữ viết, chữ ký thì các giấy vay đều do chị D<sub>3</sub> viết và ký, dấu vân tay tại ô “chồng” đều là dấu vân tay của chị D<sub>3</sub>. Nguyên đơn cũng xác nhận khi vay không có mặt anh Nguyễn Hữu H. Như vậy, có đủ căn cứ xác nhận các khoản vay nêu trên đều do chị Bùi Thị D<sub>3</sub> trực tiếp vay. Tổng cộng số tiền vay là 100.000.000 đ + 100.000.000đ + 13.500.000đ + 20.000.000đ = 233.500.000 (Hai trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng, chứ không phải là 235.000.000 đồng như đơn khởi kiện trình bày. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã thừa nhận sai sót này. Như vậy, cần buộc chị Bùi Thị D<sub>3</sub> có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Bùi Thị D<sub>1</sub> các khoản tiền gốc tổng cộng là 233.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về lãi suất:* Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 09/9/2018 là khoản vay có lãi nhưng các bên không ghi rõ mức lãi suất. Khoản vay này được xác định lại vào ngày 25/11/2019 vẫn là 100.000.000 đồng tiền gốc và không thỏa thuận lãi, hạn trả vào ngày 25/11/2019. Các khoản vay khác (tổng 133.500.000 đồng) không có lãi và hạn trả vào ngày 25/12/2019. Tuy các thỏa thuận không có lãi nhưng khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của bộ luật dân sự. Do vậy yêu cầu tính lãi của bà Bùi Thị D<sub>1</sub> là có căn cứ. Mức lãi suất được tính 10%/năm theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Thời hạn tính lãi của khoản vay 100.000.000 đồng được tính từ ngày 26/11/2019 đến thời điểm xét xử (ngày 10/12/2020) là 12 tháng 14 ngày:  $100.000.000đ \times 10\%/năm = 10.000.000đ/năm$ ; tương đương 833.000đ/tháng, 27.760đ/ngày. Số tiền lãi của khoản vay này là:  $(833.000đ \times 12 \text{ tháng}) + (27.760đ \times 14 \text{ ngày}) = 10.384.640$  đồng. Khoản vay 133.500.000 đồng được tính từ ngày 26/12/2019 đến thời điểm xét xử là 11 tháng 14 ngày:  $133.500.000đ \times 10\%/năm = 13.350.000đ/năm$ ; tương đương 1.125.000đ/tháng, 37.500đ/ngày. Số tiền lãi của khoản vay này là:  $(1.125.000đ \times 11 \text{ tháng}) + (37.500đ \times 14 \text{ ngày}) = 12.900.000$  đồng. Tổng cộng

các khoản lãi là 23.284.640 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 256.784.640 (*Hai trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm bốn mươi*) đồng.

[3] *Về án phí, chi phí tố tụng*: Bị đơn là chị Bùi Thị D<sub>3</sub> phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thị D<sub>1</sub>; buộc chị Bùi Thị D<sub>3</sub> có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Bùi Thị D<sub>1</sub> số tiền vay gốc là 233.500.000 đồng và khoản lãi là 23.284.640 đồng, tổng cộng là 256.784.640 (*Hai trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm bốn mươi*) đồng là các khoản nợ phát sinh từ thỏa thuận vay tiền giữa chị Bùi Thị D<sub>3</sub> và bà Bùi Thị D<sub>1</sub> ngày 09/9/2018 và ngày 25/11/2019.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.625.000 đồng. Số tiền này chị Bùi Thị D<sub>3</sub> phải chịu. Bà Bùi Thị D<sub>1</sub> đã nộp tạm ứng 4.000.000đ và chi trả trước 1.625.000đ nên chị Bùi Thị D<sub>3</sub> phải trả cho bà Bùi Thị D<sub>1</sub> 5.625.000 đồng.

4. Án phí: Chị Bùi Thị D<sub>3</sub> phải chịu 12.747.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thị D<sub>1</sub> được nhận lại 5.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002918, ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Phạm Cao Sơn**